TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL,** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27/7/2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Chấn.

2. Bà Hoàng Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị X *(Có mặt)*, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn B *(Vắng mặt)*, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị Phan Thị X (nguyên đơn) trình bày: Tôi và anh Hoàng Văn B kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 03/5/2004 tại UBND xã S, huyện N, tỉnh T. Hôn nhân của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Trong thời gian chung sống, chúng tôi có 03 con chung: cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 14/3/2005; cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 31/10/2011 và cháu Hoàng Phan Minh H, sinh ngày 10/8/2018. Hiện cả 03 cháu đang sống với tôi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: chúng tôi không có tài sản gì, không nợ ai.

Thời gian đầu mới kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; chồng tôi ham chơi, cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình; vơ chồng tôi bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách khác nhau, hay cãi nhau, không quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đó làm. Hiện chúng tôi vẫn còn đang chung sống với nhau. Tôi hiện làm vườn với thu nhập khoản 5.000.000 đồng/tháng. Tôi có chỗ ở ổn định và hợp pháp đủ điều kiện để chăm sóc con cái.

Quan điểm, nguyện vọng về giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị X xin được ly hôn với anh Hoàng Văn B

Về nuôi con chung: Chị X xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 14/3/2005; cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 31/10/2011 và cháu Hoàng Phan Minh H, sinh ngày 10/8/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án chị X yêu cầu anh Hoàng Văn B phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền 4.000.000 đồng/03 cháu/tháng. Tại phiên tòa, chị Phan Thi X xin rút yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu anh Hoàng Văn B phải cấp dưỡng số tiền 4.000.000 đồng/03 cháu/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: chúng tôi không có tài sản gì chung, không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

- *Đối với anh Hoàng Văn B (bị đơn):* Về quan hệ hôn nhân: thời điểm sống chung, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm ly thân thống nhất với lời trình bày của chị Phan Thị X nhưng anh B cho rằng vợ chồng chỉ là mẫu thuẫn nhỏ chưa đến mức phải ly hôn.

Về con cái: thống nhất với lời trình bày của chị Phan Thị X.

Về tài sản chung, nợ chung: không có tài sản gì, không nợ ai.

Quan điểm, nguyện vọng về giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: tôi không có ý kiến gì.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: tôi không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ

án là đúng với thẩm quyền theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị X được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 14/3/2005; cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 31/10/2011 và cháu Hoàng Phan Minh H, sinh ngày 10/8/2018 cho chị Phan Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: chị Phan Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phan Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Hoàng Văn B, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (anh Hoàng Văn B) có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]1.3. Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Hoàng Văn B (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil triệu tập hợp lệ đến 02 lần (tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) để tham gia phiên tòa nhưng anh B vẫn vắng mặt mà không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[4]2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị X và anh Hoàng Văn B kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 03/5/2004 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh T; việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh B là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ; giữa các bên không còn quan tâm, yêu thương,

chăm sóc với nhau nữa. Chị X cũng thừa nhận không còn tình cảm với anh B, không muốn tiếp tục chung sống với anh B và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân không đạt được mục đích; mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục; chị X và anh B đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân của chị X và anh B thật sự không đạt được mục đích. Do đó, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị X.

[5]2.2 Về nuôi con chung: Chị Phan Thị X có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 14/3/2005; cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 31/10/2011 và cháu Hoàng Phan Minh H, sinh ngày 10/8/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của các con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Hiện nay, cả 03 cháu: cháu Hoàng Thị H, cháu Hoàng Thị H và cháu Hoàng Phan Minh H đang ở cùng với chị X và do chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh B ít ở nhà, không quan tâm đến gia đình; qua biên bản lấy lời khi thì Hoàng Thị H và cháu Hoàng Thị H đều có nguyện vọng được ở cùng với chị Phan Thị X; chị X hiện có chỗ ở hợp pháp, có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con nên cần giao cháu Hoàng Thị H, cháu Hoàng Thị H và cháu Hoàng Phan Minh H cho chị Phan Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành.

[6]2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án chị X yêu cầu anh Hoàng Văn B phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 4.000.000 đồng/tháng/03 cháu nhưng tại phiên tòa chị Phan Thị X xin rút phần yêu cầu về cấp dưỡng, không yêu cầu anh Hoàng Văn B cấp dưỡng cho các con số tiền 4.000.000 đồng/tháng/03 cháu và việc rút phần yêu cầu cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, Hội đồng xét xử cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] 2.4 Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng không có tài sản gì chung; trong thời gian chung sống, không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn tài sản gì và các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[8]**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Phan Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9]Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị X đối với anh Hoàng Văn B về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị X được ly hôn với anh Hoàng Văn B (chấm dứt quan hệ hôn nhân).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 14/3/2005; cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 31/10/2011 và cháu Hoàng Phan Minh H, sinh ngày 10/8/2018 cho chị Phan Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phan Thị X phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000818 ngày 21/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- UBND xã S, huyện N, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng